

Số: 84/2017/QĐST-HNGĐ

H, ngày 15 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **111/2017/TLST-HNGĐ** ngày **06** tháng **10** năm **2017**, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Kiều Thanh H₁** - sinh năm **1987**
Địa chỉ: **thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**
- Bị đơn: **Chị Triệu Thị H₂** - sinh năm **1989**
Địa chỉ: **thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều **55, 81, 82, 83** của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào **khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27** của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **07** tháng **12** năm **2017**;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **07** tháng **12** năm **2017** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **anh Kiều Thanh H₁** và **chị Triệu Thị H₂**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: **Anh Kiều Thanh H₁** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Kiều Hải P** sinh ngày **30/7/2012**, **chị Triệu Thị H₂** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Kiều Hạnh D** sinh ngày **25/7/2011** đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). **Anh H₁** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Kiều Hạnh D** số tiền **2.000.000 (Hai triệu)** đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con chung **Kiều Hạnh D** thành niên (đủ 18 tuổi). **Chị Triệu Thị H₂** không phải cấp dưỡng nuôi con chung **Kiều Hải P**.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: **Anh Kiều Thanh H₁** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí **anh H₁** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0003208** ngày **04/10/2017** của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Duy Thái